

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

a. Khái quát về dự án:

(Theo Quyết định số 6475/QĐ-UBND ngày 27/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3).

- Tên Dự án đầu tư: Xây dựng hầm chui tại nút giao đường Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3.

- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

- Địa điểm xây dựng: Các phường: Từ Liêm, Cầu Giấy, Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội.

- Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm B, Công trình giao thông, cấp II.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3 nhằm giải quyết xung đột giao thông, giảm thiểu ùn tắc giao thông tại nút giao, giảm chi phí và thời gian chờ đợi do ùn tắc giao thông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong đô thị, đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch được duyệt, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.

- Quy mô đầu tư:

+ Xây dựng hầm chui trục thông theo hướng Mễ Trì - Dương Đình Nghệ với quy mô 06 làn xe; tổng chiều dài hầm $L = 655\text{m}$ (trong đó chiều dài hầm kín $L_1 = 120\text{m}$, hầm hở $L_2 = 200\text{m}$ và 335m tường chắn, gờ chắn bánh); mặt cắt ngang kích thước $B \times H = 27\text{m} \times 7,4\text{m}$.

- Xây dựng trạm bơm: Nước được thu gom và kết nối với hệ thống rãnh dọc bố trí trong hầm, thoát ra ngoài qua trạm bơm.

- Thu hẹp hè, dải phân cách giữa để mở rộng tối đa mặt đường xe chạy; xây dựng, di chuyển, khớp nối các công trình hạ tầng kỹ thuật; hệ thống tổ chức giao thông; ITS; cây xanh đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan đô thị.

- Giá trị tổng mức đầu tư (làm tròn): 960.261.324.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi tỷ, hai trăm sáu mươi một triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026-2028.

b. Khái quát về gói thầu:

(Theo Quyết định số 162/QĐ-BQLCTGT ngày 04/02/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3, Quyết định số 328/QĐ-BQLCTGT ngày 25/3/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự toán gói thầu số 10: Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT hạng mục di chuyển bảo vệ hệ thống điện - Dự án đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Mễ

Tri - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3).

- Tên gói thầu: Gói thầu số 10: Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT hạng mục di chuyển, bảo vệ hệ thống điện.

- Giá dự toán: 1.465.711.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%, tất cả các loại thuế, phí, lệ phí khác).

(Giá dự thầu của nhà thầu được xác định đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng; Việc miễn giảm thuế GTGT theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ được thực hiện trên cơ sở thời gian triển khai dịch vụ tư vấn và nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định. Trường hợp tại thời điểm nghiệm thu thanh toán, nếu mức thuế GTGT < 10% thì Chủ đầu tư sẽ khấu trừ khoản chi phí phân thuế giảm đi ngay trên hồ sơ thanh toán của nhà thầu).

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 113 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.

c. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Việc tuyển chọn nhà thầu tư vấn nhằm chọn nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT hạng mục di chuyển, bảo vệ hệ thống điện theo đúng thời gian và tiến độ yêu cầu với khối lượng đầy đủ, có chi phí hợp lý, đảm bảo chất lượng hồ sơ dự án, đáp ứng được nhiệm vụ của dự án và các yêu cầu theo quy định hiện hành.

II. Phạm vi công việc:

1. Thông tin chung về phạm vi công việc của gói thầu

a. Phạm vi công việc đối với nhà thầu:

a.1. Phạm vi công việc khảo sát

- Khảo sát hiện trường, kiểm tra, kiểm đếm, đối chiếu, xác định vị trí công trình thiết bị trên thực địa;

- Thu thập, phân tích và tổng hợp hồ sơ quản lý, hoàn công, thông số kỹ thuật hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện trạng nằm trong phạm vi thực hiện GPMB của dự án;

- Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng;

- Các công việc khảo sát xây dựng khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư (nếu có).

a.2. Phạm vi công việc lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình

- Nghiên cứu báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thuyết minh dự án, thiết kế cơ sở đã được phê duyệt, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, nhiệm vụ thiết kế được duyệt;

- Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình gồm thuyết minh, bản vẽ thiết kế thi công, các phụ lục tính toán cần thiết, các văn bản thỏa thuận thiết kế..., lập dự toán xây dựng công trình, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng, phù hợp với Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án đã được phê duyệt.

- Lập chỉ dẫn kỹ thuật;
- Lập quy trình bảo trì công trình (nếu có);
- Hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm tra, thẩm định;
- Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định (nếu có);
- Các công việc thiết kế khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư (nếu có).

a.3. Phạm vi công việc lập mô hình thông tin công trình (BIM)

- Thiết kế dựa trên nền tảng BIM đã được thiết lập ở bước lập dự án đầu tư.
- Phối hợp 3D giữa các hạng mục, giữa thiết kế và hiện hữu.
- Tương tác trực tuyến thông qua môi trường dữ liệu chung (CDE).
- Quản lý, số hóa dữ liệu dự án.
- Các nội dung khác liên quan (nếu có) theo hướng dẫn tại Quyết định số 348/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng.

b. Nguồn vốn: Ngân sách thành phố Hà Nội.

c. Tên cơ quan thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội.

d. Thời gian, tiến độ thực hiện: Tối đa 45 ngày.

2. Nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn

(Theo Quyết định số 311/QĐ-BQLCTGT ngày 20/3/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội về việc phê duyệt nhiệm vụ - dự toán chi phí một số công việc để lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKBVTC- DT) hạng mục: Di chuyển, hoàn trả công trình ngầm nổi phục vụ GPMB - Dự án đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3).

2.1. Nội dung nhiệm vụ khảo sát:

2.1.1. Mục đích khảo sát xây dựng:

Khảo sát, thu thập các số liệu, tài liệu cần thiết để phục vụ công tác thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (TKBVTC-DT) và lập ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM)

2.1.2. Phạm vi khảo sát xây dựng:

Khảo sát theo phạm vi, quy mô Dự án đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6475/QĐ-UBND ngày 27/12/2025.

2.1.3. Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng:

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- TCVN 8090:2009 (IEC 62219:2002) Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không
- Dây trần có sợi định hình xoắn thành các lớp đồng tâm.
- TCVN 9888:2013 – Bộ tiêu chuẩn quốc gia về nối đất thiết bị điện
- TCVN 10250 :2013. Dây chống sét liên cấp quang (OPGW)
- TCVN 10250:2013 Cấp sợi quang – Cấp quang treo kết hợp dây chống sét (OPGW) dọc theo đường dây điện lực – Yêu cầu kỹ thuật.

- Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội về việc ban hành Đề án “Chuẩn hóa lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”.

- Quyết định số 1783/QĐ-EVN HANOI ngày 27/5/2014 về việc ban hành Tiêu chuẩn vật tư, thiết bị trung áp;

- Quy trình an toàn điện ban hành kèm theo quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021 của Tập đoàn điện lực Việt Nam;

- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/06/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Quy định về công tác khảo sát xây dựng phục vụ thiết kế các công trình điện, Quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp 35kV.

- Quyết định số 9871/QĐ-EVN HANOI ngày 27/11/2020 về việc ban hành Tiêu chuẩn vật tư, thiết bị trên lưới điện hạ áp trong Tổng công ty điện lực TP Hà Nội;

- Tờ trình số 1958/TTr-QLĐT ngày 01/4/2021 về việc Quy định thống nhất thiết kế mẫu cho cọc tiếp địa tại các TBA, đường dây trung thế áp dụng chung trong toàn Tổng Công ty;

- Thông báo số 1672/TB-EVNHANOI ngày 27/2/2024 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc chuẩn hoá tên gọi, đơn vị tính cho vật tư thiết bị lưới điện;

- Quyết định số 3447/QĐ-EVNHANOI ngày 01/6/2021 của Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội về việc ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật Dây ACSR bọc cách điện XLPE vỏ bọc HDPE chủng loại 22kV (sử dụng cho đường dây trên không cấp điện áp danh định 22kV và 35kV) và phụ kiện, Dây bọc cách điện dùng cho TBA kiểu treo (trạm cột) trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội.

2.1.4. Nội dung công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (TKBVTC-DT) hạng mục di chuyển, bảo vệ hệ thống điện:

- Giữ nguyên một số nội dung đã được phê duyệt trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và các nội dung đã được Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 262/QĐ- BQLCTGT ngày 10/3/2026.

- Rà soát, kiểm tra và cập nhật, bổ sung hiện trạng vị trí, quy mô, cao độ và thông số kỹ thuật, phạm vi ảnh hưởng, khối lượng di chuyển, hoàn trả công trình ngầm nổi phục vụ GPMB.

- Khảo sát hiện trường, kiểm tra, kiểm đếm, đối chiếu, xác định vị trí công trình thiết bị trên thực địa. Khối lượng: 75 công.

- Thu thập, phân tích và tổng hợp hồ sơ quản lý, hoàn công, thông số kỹ thuật hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện trạng nằm trong phạm vi thực hiện GPMB của dự án; Lập hồ sơ bản vẽ hiện trạng. Khối lượng: 75 công.

2.2. Nhiệm vụ lập hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế BVTC-DT xây dựng công trình) hạng mục di chuyển, bảo vệ hệ thống điện:

2.2.1. Các căn cứ để lập hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng công trình:

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu,

Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, có hiệu lực kể từ 01 tháng 7 năm 2025;

- Các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

- Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về bản đồ địa chính; số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018; số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; số 519/QĐ-TTg ngày 31/3/2016 phê duyệt Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến

năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ các Quyết định của UBND Thành phố: số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 về quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội; số 6475/QĐ-UBND ngày 27/12/2025 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành có liên quan.

2.2.2. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình: (Theo Quyết định số 6475/QĐ-UBND ngày 27/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội)

Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3 nhằm giải quyết xung đột giao thông, giảm thiểu ùn tắc giao thông tại nút giao, giảm chi phí và thời gian chờ đợi do ùn tắc giao thông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong đô thị, đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch được duyệt, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.

2.2.3. Địa điểm xây dựng: Phường Cầu Giấy, phường Yên Hòa, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2.2.4. Các yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình:

Giải pháp thiết kế của dự án phải đảm bảo tuân thủ các quy hoạch, phương án kiến trúc (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2.5. Các yêu cầu về quy mô và thời gian sử dụng công trình, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác đối với công trình:

- Quy mô công trình phù hợp với nội dung tại Quyết định số 6475/QĐ-UBND ngày 27/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

- Các yêu cầu kỹ thuật của công trình đảm bảo tuân thủ các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan. Hồ sơ phải đảm bảo đo bóc khối lượng xây dựng tuân thủ quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TTBXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TTBXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 60/2025/TTBXD ngày 30/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2.2.6. Các yêu cầu về công tác lập dự toán xây dựng công trình:

- Dự toán xây dựng công trình được lập phải tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư

xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, áp dụng các bộ định mức, đơn giá, phương pháp tính theo quy định hiện hành của Nhà nước và thành phố Hà Nội, công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nội dung dự toán xây dựng công trình phải lập đúng, đủ, rõ ràng và đảm bảo tính chính xác, hợp pháp theo quy định.

2.3. Nhiệm vụ ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM) hạng mục: Di chuyển, hoàn trả công trình ngầm nội phục vụ GPMB:

2.3.1. Nội dung mô hình thông tin công trình BIM bước lập TKBVTC-DT

- Thiết kế dựa trên nền tảng BIM đã được lập ở bước lập dự án đầu tư.
- Phối hợp 3D giữa các hạng mục, giữa thiết kế và hiện hữu.
- Tương tác trực tuyến thông qua môi trường dữ liệu chung (CDE).
- Quản lý, số hóa dữ liệu dự án.

2.3.2. Các hạng mục áp dụng mô hình thông tin công trình BIM

- Công trình Di chuyển, hoàn trả công trình ngầm nội phục vụ GPMB theo đúng nội dung của Dự án đã được UBND thành phố phê duyệt.

- Thời gian thực hiện ứng dụng mô hình thông tin công trình: 45 ngày.

2.3.3. Yêu cầu về sản phẩm và kỹ thuật

Mức độ phát triển thông tin các cấu kiện, kết cấu, hạng mục công trình tham khảo Quyết định số 347/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 5835/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 ban hành hướng dẫn chi tiết áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.3.4. Yêu cầu về quản lý

Để đảm bảo dung lượng các mô hình hoạt động tốt, tổng thể dữ liệu mô hình dự án đề xuất chia thành các mô hình thành phần như sau:

- Mô hình hiện trạng, gồm: Mô hình hệ thống nút giao, đường giao thông; mô hình hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, nổi (chiếu sáng, trụ điện, đường dây tải điện, thông tin, cấp nước,...); mô hình cảnh quan, địa vật dọc tuyến.

- Mô hình hóa phương án thiết kế, gồm: Mô hình tổng thể và các mô hình chi tiết kết cấu các công trình: Kết cấu nền mặt đường, nút giao, hè đường, các dải phân cách, hệ thống thoát nước, cấp nước, tổ chức giao thông (vạch sơn, biển báo,...), cây xanh, chiếu sáng, trạm biến áp, đường ngang giao cắt với tuyến, công trình điện lực, đường dây tải điện, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm nổi hiện trạng,...

Tùy thuộc vào tình hình triển khai thực tế, Tư vấn thực hiện ứng dụng BIM có thể đề xuất điều chỉnh kế hoạch phân chia dữ liệu mô hình này.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Các báo cáo và sản phẩm giao nộp:

a. Đối với công tác khảo sát

a.1. Sản phẩm khảo sát

- Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;
- Các phụ lục và sản phẩm khác theo quy định (nếu có).

a.2. Số lượng sản phẩm khảo sát: Sẽ quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hợp đồng.

b. Đối với công tác lập thiết kế BVTC - dự toán xây dựng công trình

b.1. Sản phẩm của công tác lập thiết kế BVTC - dự toán xây dựng công trình

- Hồ sơ thiết kế bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản tính, các bản vẽ thiết kế; Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế. Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế xây dựng phải xác nhận vào hồ sơ và đóng dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng.

- Chỉ dẫn kỹ thuật;

- Quy trình bảo trì công trình;

- Dự toán xây dựng công trình (bao gồm: lập chi phí xây dựng và lập dự toán xây dựng công trình cho toàn bộ Dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ).

- Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế xây dựng, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

b.2. Số lượng sản phẩm của công tác lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình: Sẽ quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hợp đồng.

c. Đối với công tác lập mô hình thông tin công trình

c.1. Sản phẩm của công tác lập mô hình thông tin công trình

- Các sản phẩm bàn giao bằng file bao gồm cả định dạng dữ liệu gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với tính chất đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến: Mô hình hiện trạng công trình; các mô hình thành phần dự án; mô hình tổng hợp; các thông tin, dữ liệu trao đổi trên CDE.

- Các sản phẩm bàn giao bằng bản cứng: Báo cáo xung đột các bộ môn, hạng mục, mô hình thành phần dự án.

- Các sản phẩm quá trình áp dụng BIM phải được lưu trữ trên CDE.

- Các sản phẩm phục vụ quá trình thẩm định gồm: Mô hình hiện trạng công trình; các mô hình các kết cấu; báo cáo xung đột các bộ môn, hạng mục; mô hình tổng hợp; bản vẽ kết cấu các hạng mục chính của dự án; khối lượng bóc tách chi tiết từ mô hình BIM và ước tính chi phí cho các hạng mục.

- Danh mục các sản phẩm phục vụ giai đoạn sau thẩm định: Báo cáo tổng hợp ứng dụng BIM giai đoạn thiết kế cơ sở; các thông tin, dữ liệu đã trao đổi trên CDE trong quá trình thực hiện BIM.

b.2. Số lượng sản phẩm của công tác lập mô hình thông tin công trình: Sẽ quy định cụ thể trong quá trình thương thảo hợp đồng.

2. Thời gian thực hiện: Tối đa 45 ngày.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực theo quy định tại Khoản 1 (Bảng số 01), Mục 2 Chương III, nhân sự của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về nhân sự chủ chốt theo quy định tại Khoản 4 (Bảng số 01), Mục 2 Chương III và các yêu cầu sau:

* Về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu.

+ *Đối với Điểm 1.1, Khoản 1:*

- Nhà thầu cung cấp bản gốc/bản chính/bản chụp chứng thực hoặc bản ký điện tử các tài liệu sau: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành hoặc xác nhận của Chủ đầu tư/Bên giao thầu về nghiệm thu công việc hoàn thành (*Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành*).

- Nhà thầu cung cấp bản gốc/bản chính/bản chụp chứng thực hoặc bản ký điện tử quyết định phê duyệt thiết kế/dự án (hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác) để chứng minh quy mô, cấp loại và tính chất công trình.

- Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện (không áp dụng đối với hợp đồng cho thuê nhân sự).

- Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là nhà thầu phụ thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận/xác nhận.

- Phân loại công trình theo quy định tại Phụ lục 1 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Đối với công trình/dự án được phê duyệt tại thời điểm trước khi Nghị định số 06/2021/NĐ-CP có hiệu lực thì phân loại công trình tuân theo các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm phê duyệt dự án.

- Phân cấp công trình theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng. Đối với công trình/dự án được phê duyệt tại thời điểm trước khi Thông tư số 06/2021/TT-BXD có hiệu lực thì phân cấp công trình tuân theo các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm phê duyệt dự án.

- Nhóm dự án tham khảo quy định tại Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công hoặc quy định của nhà nước tại thời điểm phê duyệt dự án.

+ *Đối với Điểm 1.2, Khoản 1:*

- Nhà thầu cung cấp bản gốc/bản chính/bản chụp chứng thực hoặc bản ký điện tử tài liệu chứng minh máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu (riêng đối với Hóa đơn, nhà thầu cung cấp bản gốc/bản sao y/bản điện tử). Trường hợp đi thuê thì nhà thầu cung cấp bản chính hoặc bản chụp chứng thực: hợp đồng nguyên tắc (kèm theo bản chính hoặc bản chụp chứng thực tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê).

Trong trường hợp liên danh thì máy móc, thiết bị của nhà thầu được tính là tổng cộng của các thành viên trong liên danh đề xuất cho gói thầu.

* Về nhân sự chủ chốt.

- Đối với nhân sự yêu cầu tại Điểm 4.1 và 4.2 Khoản 4, Mục 2 Chương III: Nhà thầu cung cấp bản gốc/bản chính/bản chụp chứng thực hoặc bản ký điện tử: Chứng chỉ hành nghề và xác nhận của Chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác để chứng minh kinh nghiệm tham gia các dự án/công trình/hạng mục công trình theo quy định của E-HSMT.

- Đối với nhân sự yêu cầu tại Điểm 4.3, 4.4 và 4.5 Khoản 4, Mục 2 Chương III: Nhà thầu cung cấp bản gốc/bản chính/bản chụp chứng thực hoặc bản ký điện tử: Chứng chỉ hành nghề và xác nhận của Chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư/Bên giao thầu (hoặc Bên A) hoặc Quyết định phân công nhiệm vụ của nhà thầu (nếu chỉ cung cấp Quyết định phân công nhiệm vụ, đề nghị nhà thầu cung cấp hợp đồng bản chính hoặc bản chụp chứng thực để chứng minh) hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác để chứng minh kinh nghiệm tham gia các dự

án/công trình/hạng mục công trình theo quy định của E-HSMT.

- Đối với nhân sự yêu cầu tại Điểm 4.6, 4.7, 4.8 Khoản 4, Mục 2 Chương III: Nhà thầu cung cấp bản gốc/bản chính/bản chụp chứng thực hoặc bản ký điện tử: Chứng chỉ/chứng nhận và xác nhận của Chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư/Bên giao thầu (hoặc Bên A) hoặc Quyết định phân công nhiệm vụ của nhà thầu (nếu chỉ cung cấp Quyết định phân công nhiệm vụ, đề nghị nhà thầu cung cấp hợp đồng bản chính hoặc bản chụp chứng thực để chứng minh) hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác để chứng minh kinh nghiệm tham gia các dự án/công trình/hạng mục công trình theo quy định của E-HSMT.

- Đối với các nhân sự yêu cầu tại Điểm 4.9 Khoản 4, Mục 2 Chương III: Nhà thầu cung cấp bản gốc/bản chính/bản chụp chứng thực hoặc bản ký điện tử: Bằng tốt nghiệp và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

- Tất cả các nhân sự chỉ được xem xét và đánh giá khi có đầy đủ các tài liệu hợp lệ theo quy định của E-HSMT (nếu thiếu một trong các tài liệu hoặc có ít nhất một tài liệu không hợp lệ thì phần nhân sự đó sẽ không được đánh giá). Trường hợp một trong các nhân sự đó không đạt yêu cầu tối thiểu theo quy định của E-HSMT hoặc nhà thầu không bố trí nhân sự thì toàn bộ điểm tại Khoản 4 “Nhân sự chủ chốt” sẽ không được xem xét đánh giá.

- Đối với tất cả các nhân sự nhà thầu đề xuất tại Khoản 4 “Nhân sự chủ chốt”: Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh các nhân sự nhà thầu kê khai có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (*Hợp đồng lao động/hợp đồng thuê chuyên gia/hợp đồng công tác viên ký với nhà thầu (hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác) để chứng minh khả năng sẵn sàng huy động nhân sự*).

- Mỗi nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất đảm nhận 01 vị trí công việc (tương ứng với một lý lịch chuyên gia).

- Số năm kinh nghiệm của mỗi nhân sự được đánh giá trên cơ sở nội dung kê khai tại Mẫu số 07 - Lý lịch chuyên gia tư vấn, trong đó nêu rõ từng thời gian cụ thể tương ứng với từng vị trí công việc đảm nhận phù hợp theo yêu cầu của E-HSMT này.

- Ngoài những nhân sự chủ chốt tối thiểu theo yêu cầu trên, nhà thầu phải huy động đầy đủ số lượng nhân sự thực hiện gói thầu đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, tiến độ.

- Trong trường hợp liên danh thì nhân sự của nhà thầu được tính là tổng nhân sự của các thành viên trong liên danh đề xuất cho gói thầu.

* Đối với các tài liệu có yêu cầu là bản gốc/bản chính/bản chụp chứng thực/bản sao y thì bản đăng tải trên hệ thống là bản scan màu. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc các tài liệu cần thiết để đối chiếu, xác thực thông tin.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Phối hợp với tư vấn sơ tầm và làm rõ các tài liệu về dự án, kế hoạch, mục tiêu xây dựng công trình mà các cấp có thẩm quyền đã duyệt.

- Phối hợp với tư vấn lựa chọn các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với chế độ quy định của Nhà nước.

- Sẵn sàng cung cấp những thông tin số liệu đã có khi đơn vị tư vấn có yêu cầu.

- Phối hợp với địa phương trong vùng dự án tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát được thuận tiện.

- Cử các cán bộ giám sát theo dõi khối lượng và chất lượng trong suốt quá trình khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán (BIM).